Ký bởi: Ủy ban nhân dân huyện Mai Sơn
Cơ quan: Tỉnh Sơn La
Ngày ký: 02-08-2021 14:29:20 +07:00

UBND HUYỆN MAI SƠN
HỘI ĐỒNG XÉT TUYỂN DỤNG VIÊN CHỨC

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: **20**/TB-HĐXTDVC

Mai Sơn, ngày 30 tháng 7 năm 2021

THÔNG BÁO
Công nhận kết quả xét tuyển dụng viên chức sự nghiệp huyện Mai Sơn năm 2021

Căn cứ Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức; Thông tư số 06/2020/TT-BNV ngày 02/12/2020 của Bộ Nội vụ ban hành quy chế tổ chức thi tuyển, xét tuyển công chức, viên chức, thi nâng ngạch công chức, thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức; nội quy thi tuyển, xét tuyển công chức, viên chức, thi nâng ngạch công chức, thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức.

Căn cứ Quyết định số 1763/QĐ-UBND ngày 28/7/2021 của Chủ tịch UBND huyện về việc công kết quả xét tuyển dụng viên chức sự nghiệp huyện Mai Sơn năm 2021.

Hội đồng xét tuyển dụng viên chức huyện Mai Sơn năm 2021 thông báo:

1. Công nhận kết quả xét tuyển dụng viên chức sự nghiệp huyện Mai Sơn năm 2021 đối với 292 thí sinh, cụ thể như sau:

- Thí sinh trúng tuyển: 61 người.

- Thí sinh không trúng tuyển: 231 người.

(Có danh sách chi tiết kèm theo)

2. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày 03/8/2021 đề nghị 61 người trúng tuyển có mặt tại Hội trường Trung tâm huyện Mai Sơn *(địa chỉ:UBND huyện Mai Sơn, Tiểu khu 4 thị trấn Hát Lót, huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La)* để hoàn thiện hồ sơ tuyển dụng. Hồ sơ tuyển dụng bao gồm:

- Bản gốc, bản sao văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của vị trí việc làm dự tuyển, để đối chiếu *(theo Công văn số 2481/UBND-CA ngày 18/7/2021 của Ủy ban nhân dân huyện về việc bảo vệ an ninh chính trị nội bộ trong tuyển dụng viên chức sự nghiệp huyện Mai Sơn năm 2021);* chứng nhận đối tượng ưu tiên (nếu có);

- Phiếu lý lịch tư pháp do cơ quan có thẩm quyền cấp kèm theo 01 bì đựng hồ sơ theo quy định.

Trường hợp đã có thời gian công tác có đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc theo đúng quy định của pháp luật, đúng ngành, nghề đào tạo hoặc theo đúng chuyên môn nghiệp vụ tại vị trí việc làm tuyển dụng thì nộp thêm bản phô tô sổ bảo hiểm xã hội và quyết định hưởng lương gần nhất (*nếu có*).

**** Lưu ý:*** Khi đến hoàn thiện hồ sơ tuyển dụng người trúng tuyển mang theo giấy khai sinh, chứng minh nhân dân hoặc thẻ căn cước công dân để đối chiếu và phải thực hiện nghiêm các biện pháp phòng, chống dịch bệnh Covid-19 theo hướng dẫn của Bộ Y tế; đeo khẩu trang, rửa tay sát khẩu; giữ khoảng cách an toàn khi tiếp xúc…

3. Trường hợp người trúng tuyển không hoàn thiện đủ hồ sơ tuyển dụng theo quy định hoặc có hành vi gian lận trong việc kê khai Phiếu đăng ký dự tuyển hoặc bị phát hiện sử dụng văn bằng, chứng chỉ, chứng nhận không đúng quy định để tham gia dự tuyển thì người đứng đầu cơ quan, đơn vị có thẩm quyền tuyển dụng viên chức ra quyết định hủy kết quả trúng tuyển.

4. Tổ chức thực hiện

- Giao Phòng Nội vụ:

+ Gửi tin nhắn và thông báo của Hội đồng cho từng thí sinh theo số điện thoại, địa chỉ mà các thí sinh đã khai tại Phiếu đăng ký dự tuyển.

+ Cử công chức thẩm định hồ sơ theo quy định.

- UBND các xã, thị trấn, Phòng Giáo dục và Đào tạo, Phòng Nội vụ, Văn phòng HĐND và UBND huyện, Trung tâm Truyền thông - Văn hóa, UBND các xã, thị trấn, Cổng thông tin điện tử huyện có trách nhiệm niêm yết, tuyên truyền, công khai, phổ biến rộng rãi nội dung thông báo này.

Hội đồng xét tuyển dụng viên chức huyện Mai Sơn thông báo./.

Nơi nhận:
- Lãnh đạo UBND huyện;
- Phòng Nội vụ huyện;
- Phòng GD&ĐT huyện;
- Trung tâm Truyền thông - Văn hóa;
- UBND các xã, thị trấn;
- Văn phòng HĐND-UBND huyện;
- Cổng thông tin điện tử huyện;
- Các thí sinh dự tuyển;
- Lưu: VT, NV.

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG

PHÓ CHỦ TỊCH UBND HUYỆN
Lại Như Long

DANH SÁCH
CÔNG NHẬN KẾT QUẢ TRÚNG TUYỂN KỲ XÉT TUYỂN DỤNG VIÊN CHỨC SỰ NGHIỆP HUYỆN MAI SƠN NĂM 2021

(Kèm theo Thông báo số 20/TB-HĐXTDVC ngày 30/7/2021 của Hội đồng xét tuyển dụng viên chức huyện Mai Sơn)

Số TT	Số báo danh	Họ và tên	Tên	Ngày, tháng, năm sinh		Dân tộc	Chỗ ở hiện nay			Thông tin đào tạo		Đơn vị dự tuyển	Đối tượng ưu tiên	Tổng hợp điểm			Kết quả tuyển dụng
				Nam	Nữ		Xã, Phường, TT	Huyện, TP	Tỉnh	*Trình độ văn bằng*	*Chuyên ngành đào tạo (ghi theo bảng điểm)*			Ưu tiên	Phỏng vấn	Tổng điểm	
I	**SỰ NGHIỆP GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO**																
	Trường Mầm non Cò Nòi 1 (03)																
1	MN65	Khuất Thị Huyền	Trang		12.4.1998	Kinh	TT Hát Lót	Mai Sơn	Sơn La	Đại học	Giáo dục Mầm non	Trường Mầm non Cò Nòi 1	Không		81	81	**Trúng tuyển**
2	MN63	Lường Thị	Thương		10.11.1997	Thái	xã Cò Nòi	Mai Sơn	Sơn La	Đại học	Giáo dục Mầm non	Trường Mầm non Cò Nòi 1	DTTS	5	53	58	**Trúng tuyển**
3	MN39	Lê Hồng	Ngọc		19.9.1999	Kinh	Cò Nòi	Mai Sơn	Sơn La	Cao đẳng	Giáo dục Mầm non	Trường Mầm non Cò Nòi 1	Không		52,5	52,5	**Trúng tuyển**
	Trường Mầm non Chiềng Nơi (02)																
4	MN30	Cầm Thị	Lan		07.7.1990	Thái	Chiềng Nơi	Mai Sơn	Sơn La	Cao đẳng	Giáo dục Mầm non	Trường Mầm non Chiềng Nơi	DTTS	5	50	55	**Trúng tuyển**
	Trường Mầm non Mường Bon (03)															0	
5	MN57	Đào Thị Thu	Thảo		02.7.1997	Mường	Mường Bon	Mai Sơn	Sơn La	Đại học	Giáo dục Mầm non	Trường Mầm non Mường Bon	DTTS	5	90	95	**Trúng tuyển**
6	MN19	Lò Thị	Hồng		27.9.1996	Thái	Chiềng Sinh	TP Sơn La	Sơn La	Cao đẳng	Giáo dục Mầm non	Trường Mầm non Mường Bon	DTTS	5	89	94	**Trúng tuyển**
7	MN11	Hà Thị	Giang		12.5.1993	Thái	Mường Bon	Mai Sơn	Sơn La	Cao đẳng	Giáo dục Mầm non	Trường Mầm non Mường Bon	DTTS	5	74	79	**Trúng tuyển**
	Trường Mầm non Nà Bó (02)																
8	MN50	Lò Ngọc	Quyên		25.8.1998	Thái	Chiềng Cơi	TP Sơn La	Sơn La	Đại học	Giáo dục Mầm non	Trường Mầm non Nà Bó	DTTS	5	62	67	**Trúng tuyển**
	Trường Mầm non Nà Sản (04)																

Số TT	Số báo danh	Họ và tên	Tên	Ngày, tháng, năm sinh		Dân tộc	Chỗ ở hiện nay			Thông tin đào tạo		Đơn vị dự tuyển	Đối tượng ưu tiên	Tổng hợp điểm			Kết quả tuyển dụng
				Nam	Nữ		Xã, Phường, TT	Huyện, TP	Tỉnh	*Trình độ văn bằng*	*Chuyên ngành đào tạo (ghi theo bảng điểm)*			Ưu tiên	Phỏng vấn	Tổng điểm	
9	MN37	Hoàng Thị Minh	Nga		16.11.1999	Thái	Chiềng Ban	Mai Sơn	Sơn La	Đại học	Giáo dục Mầm non	Trường Mầm non Nà Sản	DTTS	5	81	86	**Trúng tuyển**
10	MN24	Lèo Thị	Hương		13.02.1986	Thái	Quyết Thắng	TP Sơn La	Sơn La	Đại học	Giáo dục Mầm non	Trường Mầm non Nà Sản	DTTS	5	60	65	**Trúng tuyển**
	Trường Mầm non Phiêng Cằm (05)																
11	MN07	Quàng Thị	Diễm		15.01.1997	Thái	Mường Lầm	Sông Mã	Sơn La	Đại học	Giáo dục Mầm non	Trường Mầm non Phiêng Cằm	DTTS	5	55	60	**Trúng tuyển**
	Trường Mầm non Phiêng Pằn (12)																
12	MN34	Sùng Thị	Ná		14.9.1999	Mông	TT Hát Lót	Mai Sơn	Sơn La	Cao đẳng	Giáo dục Mầm non	Trường Mầm non Phiêng Pằn	DTTS	5	68	73	**Trúng tuyển**
13	MN68	Hờ Thị	Xuân		17.12.1999	Mông	Chiềng Chăn	Mai Sơn	Sơn La	Cao đẳng	Giáo dục Mầm non	Trường Mầm non Phiêng Pằn	DTTS	5	60,5	65,5	**Trúng tuyển**
14	MN22	Tềnh Thị	Hương		24.01.1999	Mông	Phổng Lái	Thuận Châu	Sơn La	Cao đẳng	Giáo dục Mầm non	Trường Mầm non Phiêng Pằn	DTTS	5	60	65	**Trúng tuyển**
15	MN25	Lường Thị	Hướng		04.10.1995	Thái	Chiềng Cang	Sông Mã	Sơn La	Cao đẳng	Giáo dục Mầm non	Trường Mầm non Phiêng Pằn	DTTS	5	56,5	61,5	**Trúng tuyển**
16	MN36	Phàng Thị	Nông		23.7.1998	Mông	Chiềng Tương	Yên Châu	Sơn La	Đại học	Giáo dục Mầm non	Trường Mầm non Phiêng Pằn	DTTS	5	55	60	**Trúng tuyển**
17	MN14	Sùng Thị	Hoa		05.11.1997	Mông	Phổng Lái	Thuận Châu	Sơn La	Đại học	Giáo dục Mầm non	Trường Mầm non Phiêng Pằn	DTTS	5	54	59	**Trúng tuyển**
18	MN41	Vàng Thị	Nha		17.5.1999	Mông	Chiềng On	Yên Châu	Sơn La	Cao đẳng	Giáo dục Mầm non	Trường Mầm non Phiêng Pằn	DTTS	5	50	55	**Trúng tuyển**
	Trường Mầm non Tà Hộc (01)																
19	MN47	Giàng Thị	Pa		12.4.1998	Mông	Tà Hộc	Mai Sơn	Sơn La	Đại học	Giáo dục Mầm non	Trường Mầm non Tà Hộc	DTTS	5	82	87	**Trúng tuyển**
	Trường PTDTBT TH-THCS Nà Ớt (03 chỉ tiêu GVVH Tiểu học; 01 chỉ tiêu GV THCS môn Lịch sử)																

Số TT	Số báo danh	Họ và tên	Tên	Ngày, tháng, năm sinh		Dân tộc	Chỗ ở hiện nay			Thông tin đào tạo		Đơn vị dự tuyển	Đối tượng ưu tiên	Tổng hợp điểm			Kết quả tuyển dụng
				Nam	Nữ		Xã, Phường, TT	Huyện, TP	Tỉnh	*Trình độ văn bằng*	*Chuyên ngành đào tạo (ghi theo bằng điểm)*			Ưu tiên	Phỏng vấn	Tổng điểm	
20	TH14	Lò Văn	Chiến		03.02.1991	Thái	Bản Lầm	Thuận Châu	Sơn La	Đại học	Giáo dục tiểu học	Trường PTDTBT TH-THCS Nà Ớt	DTTS	5	81	86	**Trúng tuyển**
21	TH84	Phạm Thị	Nhung		28.12.1989	Kinh	Chiềng Sinh	TP Sơn La	Sơn La	Đại học	Giáo dục tiểu học	Trường PTDTBT TH-THCS Nà Ớt	Không		80,5	80,5	**Trúng tuyển**
22	TH120	Lường Thị	Thoan		10.02.1994	Thái	Chiềng La	Thuận Châu	Sơn La	Đại học	Giáo dục tiểu học	Trường PTDTBT TH-THCS Nà Ớt	DTTS	5	70	75	**Trúng tuyển**
23	LS20	Lò Văn	Thoảng	15.5.1993		Thái	Đứa Mòn	Sông Mã	Sơn La	Đại học	SP Lịch sử	Trường PTDTBT TH-THCS Nà Ớt	DTTS	5	81,5	86,5	**Trúng tuyển**
	Trường PTDTBT TH-THCS Phiêng Cằm (02 chỉ tiêu GVVH Tiểu học; 02 chỉ tiêu GV THCS Môn Thể dục)																
24	TH105	Và A	Tú	10.5.1998		Mông	Phiêng Cằm	Mai Sơn	Sơn La	Đại học	Giáo dục tiểu học	Trường PTDTBT TH-THCS Phiêng Cằm	DTTS	5	82,5	87,5	**Trúng tuyển**
25	TH75	Lò Thị	Nga		25.3.1993	Thái	Phiêng Cằm	Mai Sơn	Sơn La	Đại học	Giáo dục tiểu học	Trường PTDTBT TH-THCS Phiêng Cằm	DTTS	5	81	86	**Trúng tuyển**
26	TD27	Lò Văn	Nhất	07.4.1993		Thái	Chiềng Chung	Mai Sơn	Sơn La	Đại học	Giáo dục thể chất	Trường PTDTBT TH-THCS Phiêng Cằm	DTTS	5	80	85	**Trúng tuyển**
27	TD25	Nguyễn Hữu	Ngọc	18.9.1995		Kinh	TT Hát Lót	Mai Sơn	Sơn La	Đại học	Huấn luyện thể thao	Trường PTDTBT TH-THCS Phiêng Cằm	Không		81	81	**Trúng tuyển**
	Trường Tiểu học Cò Nòi (04)																
28	TH125	Lường Thị	Vân		26.5.1998	Thái	Mường Giàng	Quỳnh Nhai	Sơn La	Đại học	Giáo dục tiểu học	Trường Tiểu học Cò Nòi	DTTS	5	78	83	**Trúng tuyển**
29	TH03	Mè Thị Kim	Bạch		16.9.1994	Thái	Quyết Tâm	TP Sơn La	Sơn La	Đại học	Giáo dục tiểu học	Trường Tiểu học Cò Nòi	DTTS	5	76,5	81,5	**Trúng tuyển**
30	TH129	Lường Thị	Xuân		25.02.1997	Thái	Chiềng Bằng	Quỳnh Nhai	Sơn La	Đại học	Giáo dục tiểu học	Trường Tiểu học Cò Nòi	DTTS	5	54,5	59,5	**Trúng tuyển**
	Trường Tiểu học Chiềng Lương (03)																
31	TH104	Lường Thị	Tới		27.02.1998	Thái	Nà Nghịu	Sông Mã	Sơn La	Đại học	Giáo dục tiểu học	Trường Tiểu học Chiềng Lương	DTTS	5	61	66	**Trúng tuyển**

Số TT	Số báo danh	Họ và tên	Tên	Ngày, tháng, năm sinh		Dân tộc	Chỗ ở hiện nay			Thông tin đào tạo		Đơn vị dự tuyển	Đối tượng ưu tiên	Tổng hợp điểm			Kết quả tuyển dụng
				Nam	Nữ		Xã, Phường, TT	Huyện, TP	Tỉnh	*Trình độ văn bằng*	*Chuyên ngành đào tạo (ghi theo bảng điểm)*			Ưu tiên	Phỏng vấn	Tổng điểm	
	Trường Tiểu học Chiềng Nơi (03)																
32	TH08	Lò Việt	Cường	27.4.1999		Thái	Chiềng Chung	Mai Sơn	Sơn La	Đại học	Giáo dục tiểu học	Trường Tiểu học Chiềng Nơi	DTTS	5	82,5	87,5	**Trúng tuyển**
33	TH103	Tòng Quốc	Toản	17.3.1994		Thái	Mường Chanh	Mai Sơn	Sơn La	Đại học	Giáo dục tiểu học	Trường Tiểu học Chiềng Nơi	DTTS	5	75	80	**Trúng tuyển**
34	TH57	Sộng A	Lạ	06.10.1997		Mông	Sam Kha	Sốp Cộp	Sơn La	Đại học	Giáo dục tiểu học	Trường Tiểu học Chiềng Nơi	DTTS	5	66	71	**Trúng tuyển**
	Trường Tiểu học Phiêng Cằm 2 (03)																
35	TH28	Cà Thị	Hải		19.01.1997	Thái	Chiềng Khương	Sông Mã	Sơn La	Đại học	Giáo dục tiểu học	Trường Tiểu học Phiêng Cằm 2	DTTS	5	81	86	**Trúng tuyển**
36	TH107	Vì Văn	Tư		08.3.1993	Thái	Nậm Mằn	Sông Mã	Sơn La	Đại học	Giáo dục tiểu học	Trường Tiểu học Phiêng Cằm 2	DTTS	5	73	78	**Trúng tuyển**
37	TH102	Lò Thị	Toàn		01.01.1986	Thái	Chiềng Khoong	Sông Mã	Sơn La	Đại học	Giáo dục tiểu học	Trường Tiểu học Phiêng Cằm 2	DTTS; Con thương binh	5	62,5	67,5	**Trúng tuyển**
	Trường Tiểu học Phiêng Pằn (02)																
38	TH92	Lò Thị Mai	Quỳnh		11.3.1998	Thái	TT Hát Lót	Mai Sơn	Sơn La	Đại học	Giáo dục tiểu học	Trường Tiểu học Phiêng Pằn	DTTS	5	81,5	86,5	**Trúng tuyển**
	Trường Tiểu học thị trấn Hát Lót (01)																
39	TH80	Đặng Thanh	Nhàn		10.11.1998	Kinh	TT Hát Lót	Mai Sơn	Sơn La	Đại học	Giáo dục tiểu học	Trường Tiểu học thị trấn Hát Lót	Không		66	66	**Trúng tuyển**
	Trường TH-THCS Bình Minh (02)																
40	TH114	Khổng Thị Hương	Thảo		28.10.1994	Kinh	TT Hát Lót	Mai Sơn	Sơn La	Thạc sĩ	Lý luận và phương pháp dạy học tiểu học	Trường TH-THCS Bình Minh	Không		83	83	**Trúng tuyển**

Số TT	Số báo danh	Họ và tên	Tên	Ngày, tháng, năm sinh		Dân tộc	Chỗ ở hiện nay			Thông tin đào tạo		Đơn vị dự tuyển	Đối tượng ưu tiên	Tổng hợp điểm			Kết quả tuyển dụng
				Nam	Nữ		Xã, Phường, TT	Huyện, TP	Tỉnh	*Trình độ văn bằng*	*Chuyên ngành đào tạo (ghi theo bằng điểm)*			Ưu tiên	Phỏng vấn	Tổng điểm	
41	TH51	Trần Thị Thanh	Hương		04.12.1998	Kinh	Cò Nòi	Mai Sơn	Sơn La	Đại học	Giáo dục tiểu học	Trường TH-THCS Bình Minh	Không		82	82	**Trúng tuyển**
	Trường TH-THCS Chiềng Ban (01)																
42	TH122	Tòng Mai	Thy		22.02.1998	Thái	Chiềng Sinh	TP Sơn La	Sơn La	Đại học	Giáo dục tiểu học	Trường TH-THCS Chiềng Ban	DTTS	5	81	86	**Trúng tuyển**
	Trường TH-THCS Chiềng Ve (01)																
43	TH81	Phạm Thị Thanh	Nhàn		25.5.1998	Kinh	Quyết Tâm	TP Sơn La	Sơn La	Đại học	Giáo dục tiểu học	Trường TH-THCS Chiềng Ve	Không		82	82	**Trúng tuyển**
	Trường TH-THCS Chu Văn Thịnh (02 chỉ tiêu GVVH Tiểu học; 01 chỉ tiêu GV THCS Môn Toán)																
44	TH113	Tòng Phương	Thảo		13.8.1999	Thái	xã Hát Lót	Mai Sơn	Sơn La	Đại học	Giáo dục tiểu học	Trường TH-THCS Chu Văn Thịnh	DTTS	5	83,5	88,5	**Trúng tuyển**
45	T12	Nguyễn Xuân	Thủy	18.6.1982		Kinh	Hòa Bình	Thường Tín	Hà Nội	Thạc sỹ	Toán giải tích	Trường TH-THCS Chu Văn Thịnh	Không		62	62	**Trúng tuyển**
	Trường TH-THCS Nà Bó (03)																
46	TH97	Lò Thị	Suấn		06.11.1994	Thái	TT Hát Lót	Mai Sơn	Sơn La	Đại học	Giáo dục tiểu học	Trường TH-THCS Nà Bó	DTTS	5	80	85	**Trúng tuyển**
	Trường TH-THCS Tà Hộc (02)																
47	TH48	Xa Đức	Hùng	31.5.1993		Tày	Chiềng Sinh	TP Sơn La	Sơn La	Đại học	Giáo dục tiểu học	Trường TH-THCS Tà Hộc	DTTS	5	81,5	86,5	**Trúng tuyển**
48	TH115	Hà Thị	Thắm		19.12.1999	Mường	Tà Hộc	Mai Sơn	Sơn La	Đại học	Giáo dục tiểu học	Trường TH-THCS Tà Hộc	DTTS	5	81	86	**Trúng tuyển**
	Trường TH-THCS Tô Hiệu (02 chỉ tiêu GVVH Tiểu học; 01 chỉ tiêu GV THCS môn Tiếng Anh)																
49	TH17	Lê Ngọc	Diệp		26.5.1999	Kinh	Nà Bó	Mai Sơn	Sơn La	Đại học	Giáo dục tiểu học	Trường TH-THCS Tô Hiệu	Không		83	83	**Trúng tuyển**
50	TA11	Nông Thị	Thi		02.01.1992	Thái	TT Hát Lót	Mai Sơn	Sơn La	Đại học	SP Tiếng Anh	Trường TH-THCS Tô Hiệu	DTTS	5	60	65	**Trúng tuyển**

Số TT	Số báo danh	Họ và tên	Tên	Ngày, tháng, năm sinh		Dân tộc	Chỗ ở hiện nay			Thông tin đào tạo		Đơn vị dự tuyển	Đối tượng ưu tiên	Tổng hợp điểm			Kết quả tuyển dụng
				Nam	Nữ		Xã, Phường, TT	Huyện, TP	Tỉnh	*Trình độ văn bằng*	*Chuyên ngành đào tạo (ghi theo bảng điểm)*			Ưu tiên	Phỏng vấn	Tổng điểm	
	Trường TH-THCS Chiềng Mai (01 chỉ tiêu GV THCS môn Toán; 01 chỉ tiêu môn Tiếng Anh; 01 chỉ tiêu môn Thể dục)																
51	T13	Lèo Trọng	Thủy	26.10.1990		Thái	Chiềng Mai	Mai Sơn	Sơn La	Đại học	SP Toán học	Trường TH-THCS Chiềng Mai	DTTS	5	82	87	**Trúng tuyển**
52	TA10	Nguyễn Thị	Thảo		18.02.1996	Thái	Chiềng Lề	TP Sơn La	Sơn La	Đại học	SP Tiếng Anh	Trường TH-THCS Chiềng Mai	DTTS	5	52,5	57,5	**Trúng tuyển**
53	TD36	Phạm Văn	Tuấn	12.11.1991		Kinh	Chiềng Cơi	TP Sơn La	Sơn La	Đại học	SP Thể dục	Trường TH-THCS Chiềng Mai	Không		81	81	**Trúng tuyển**
	Trường TH-THCS Hoàng Văn Thụ (01)																
54	T05	Hà Thị	Mai		22.12.1991	Thái	Tô Hiệu	TP Sơn La	Sơn La	Đại học	SP Toán học	Trường TH-THCS Hoàng Văn Thụ	DTTS	5	87,8	92,8	**Trúng tuyển**
	Trường TH-THCS Mường Chanh (01)																
55	T09	Nguyễn Hương	Quỳnh		09.9.1998	Kinh	Phương Đình	Đan Phượng	Hà Nội	Đại học	SP Toán học	Trường TH-THCS Mường Chanh	Không		73,5	73,5	**Trúng tuyển**
	Trường THCS 19/5 (01)																
56	LS02	Vì Thị	Duyên		08.02.1996	Thái	Xã Hát Lót	Mai Sơn	Sơn La	Đại học	SP Lịch sử	Trường THCS 19/5	DTTS	5	73	78	**Trúng tuyển**
	Trường TH-THCS Chiềng Sung (01)																
57	LS05	Đào Thị	Hương		17.10.1994	Kinh	Chiềng Ban	Mai Sơn	Sơn La	ĐH	SP Lịch sử	Trường TH-THCS Chiềng Sung	Không		80	80	**Trúng tuyển**
	Trường PTDTBT THCS Chiềng Nơi (01)																
58	TD17	Sồng Đăng	Kiên	11.4.1996		Mông	Chiềng Nơi	Mai Sơn	Sơn La	Đại học	Giáo dục thể chất	Trường PTDTBT THCS Chiềng Nơi	DTTS	5	79,5	84,5	**Trúng tuyển**
	Trường TH-THCS Chiềng Lương (01)																

Số TT	Số báo danh	Họ và tên	Tên	Ngày, tháng, năm sinh		Dân tộc	Chỗ ở hiện nay			Thông tin đào tạo		Đơn vị dự tuyển	Đối tượng ưu tiên	Tổng hợp điểm			Kết quả tuyển dụng
				Nam	Nữ		Xã, Phường, TT	Huyện, TP	Tỉnh	*Trình độ văn bằng*	*Chuyên ngành đào tạo (ghi theo bằng điểm)*			Ưu tiên	Phỏng vấn	Tổng điểm	
59	TD14	Lò Khánh	Hòa	28.9.1994		Thái	Quang Huy	Phù Yên	Sơn La	Đại học	Giáo dục thể chất	Trường TH-THCS Chiềng Lương	DTTS	5	85	90	**Trúng tuyển**
II	**SỰ NGHIỆP TẠI TRUNG TÂM TRUYỀN THÔNG - VĂN HÓA**																
	Phương pháp viên văn hóa hạng IV (01)																
60	PPVIV01	Nguyễn Thị Ngọc	Trâm		27.4.1994	Kinh	TT Hát Lót	Mai Sơn	Sơn La	Cao đẳng	Việt Nam học	Phương pháp viên văn hóa hạng IV	Không		81,5	81,5	**Trúng tuyển**
	Cán sự (01)																
61	CS01	Nguyễn Huy	Hoàng	15.10.1995		Kinh	TT Hát Lót	Mai Sơn	Sơn La	Cao đẳng	Công nghệ thông tin	Cán sự	Không		90	90	**Trúng tuyển**

DANH SÁCH
THÍ SINH KHÔNG TRÚNG TUYỂN KỲ XÉT TUYỂN DỤNG VIÊN CHỨC SỰ NGHIỆP HUYỆN MAI SƠN NĂM 2021

(Kèm theo Thông báo số 20/TB-HĐXTDVC ngày 30/7/2021 của Hội đồng xét tuyển dụng viên chức huyện Mai Sơn)

Số TT	Số báo danh	Họ và tên	Tên	Ngày, tháng, năm sinh		Dân tộc	Chỗ ở hiện nay			Thông tin đào tạo		Đơn vị dự tuyển	Đối tượng ưu tiên	Tổng hợp điểm			Kết quả tuyển dụng
				Nam	Nữ		Xã, Phường, TT	Huyện, TP	Tỉnh	Trình độ văn bằng	Chuyên ngành đào tạo (ghi theo bằng điểm)			Ưu tiên	Phỏng vấn	Tổng điểm	
I	SỰ NGHIỆP GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO																
1	MN16	Đinh Thị	Hòa		16.4.1991	Mường	Huy Thượng	Phù Yên	Sơn La	Cao đẳng	Giáo dục Mầm non	Trường Mầm non Cò Nòi	DTTS				Không tham gia phỏng vấn
2	MN23	Nguyễn Thị Mai	Hương		28.12.1999	Kinh	Phiêng Khoài	Yên Châu	Sơn La	Đại học	Giáo dục Mầm non	Trường Mầm non Cò Nòi	DTTS				Không tham gia phỏng vấn
3	MN28	Mùa Thị	Khoa		05.4.1999	Mông	Nậm Giôn	Mường La	Sơn La	Cao đẳng	Giáo dục Mầm non	Trường Mầm non Cò Nòi	DTTS				Không tham gia phỏng vấn
4	MN42	Vàng Thị	Nhia		12.6.1996	Mông	Mường Bằng	Mai Sơn	Sơn La	Cao đẳng	Giáo dục Mầm non	Trường Mầm non Cò Nòi	DTTS				Không tham gia phỏng vấn
5	MN66	Lò Thị	Triển		06.3.1997	Thái	Mường Mít	Than Uyên	Lai Châu	Cao đẳng	Giáo dục Mầm non	Trường Mầm non Cò Nòi	DTTS				Không tham gia phỏng vấn
6	MN20	Lò Thị	Hồng		26.11.1996	Thái	TT Ít Ong	Mường La	Sơn La	Đại học	Giáo dục Mầm non	Trường Mầm non Chiềng Chăn	DTTS				Không tham gia phỏng vấn
7	MN35	Vừ Thị	Nềnh		10.5.1999	Mông	Chiềng Nơi	Mai Sơn	Sơn La	Cao đẳng	Giáo dục Mầm non	Trường Mầm non Chiềng Nơi	DTTS	5	40	45	Điểm phỏng vấn dưới 50
8	MN08	Mè Thị	Diên		10.8.1994	Thái	TT Hát Lót	Mai Sơn	Sơn La	Cao đẳng	Giáo dục Mầm non	Trường Mầm non Mường Bon	DTTS	5	54,5	59,5	Không trúng tuyển do hết chỉ tiêu
9	MN03	Hoàng Thị	Chau		30.8.1989	Thái	Chiềng Ban	Mai Sơn	Sơn La	Cao đẳng	Giáo dục Mầm non	Trường Mầm non Mường Bon	DTTS	5	18	23	Điểm phỏng vấn dưới 50
10	MN62	Cà Thị	Thủy		19.8.1998	Thái	Chiềng Sinh	TP Sơn La	Sơn La	Đại học	Giáo dục Mầm non	Trường Mầm non Mường Bon	DTTS	5	0	5	Điểm phỏng vấn dưới 50
11	MN49	Phạm Thị	Phượng		14.9.1995	Kinh	Xã Hát Lót	Mai Sơn	Sơn La	Cao đẳng	Giáo dục Mầm non	Trường Mầm non Mường Bon	Không		0	0	Điểm phỏng vấn dưới 50
12	MN26	Lò Thị	Kim		01.9.1991	Thái	Chiềng Ban	Mai Sơn	Sơn La	Cao đẳng	Giáo dục Mầm non	Trường Mầm non Nà Ớt	DTTS	5	20	25	Điểm phỏng vấn dưới 50
13	MN61	Lò Thị	Thơ		10.5.1994	Thái	Chiềng Lao	Mường La	Sơn La	Cao đẳng	Giáo dục Mầm non	Trường Mầm non Nà Sản	DTTS	5	16	21	Điểm phỏng vấn dưới 50
14	MN31	Chèo Thị	Lan		05.3.1994	Dao	Chiềng Mung	Mai Sơn	Sơn La	Đại học	Giáo dục Mầm non	Trường Mầm non Nà Sản	DTTS	5	11	16	Điểm phỏng vấn dưới 50
15	MN04	Tòng Thị	Chuyên		19.5.1999	Thái	Chiềng Ngần	TP Sơn La	Sơn La	Cao đẳng	Giáo dục Mầm non	Trường Mầm non Nà Sản	DTTS	5	0	5	Điểm phỏng vấn dưới 50
16	MN09	Điêu Thị	Duy		02.01.1996	Thái	Phổng Lái	Thuận Châu	Sơn La	Cao đẳng	Giáo dục Mầm non	Trường Mầm non Nà Sản	DTTS	5	0	5	Điểm phỏng vấn dưới 50
17	MN10	Vì Thị Hồng	Duyên		13.10.1998	Thái	Tô Hiệu	TP Sơn La	Sơn La	Đại học	Giáo dục Mầm non	Trường Mầm non Nà Sản	DTTS	5	0	5	Điểm phỏng vấn dưới 50

Số TT	Số báo danh	Họ và tên	Tên	Ngày, tháng, năm sinh		Dân tộc	Chỗ ở hiện nay			Thông tin đào tạo		Đơn vị dự tuyển	Đối tượng ưu tiên	Tổng hợp điểm			Kết quả tuyển dụng
				Nam	Nữ		Xã, Phường, TT	Huyện, TP	Tỉnh	*Trình độ văn bằng*	*Chuyên ngành đào tạo (ghi theo bằng điểm)*			Ưu tiên	Phỏng vấn	Tổng điểm	
18	MN29	Lò Thị	Khuyên		25.5.1999	Thái	Chiềng Sinh	TP Sơn La	Sơn La	Cao đẳng	Giáo dục Mầm non	Trường Mầm non Nà Sản	DTTS	5	0	5	Điểm phỏng vấn dưới 50
19	MN55	Tòng Thị	Thành		10.02.1993	Thái	Hua La	TP Sơn La	Sơn La	Đại học	Giáo dục Mầm non	Trường Mầm non Nà Sản	DTTS	5	0	5	Điểm phỏng vấn dưới 50
20	MN18	Lò Thị	Hồng		05.8.1999	Thái	Chiềng An	TP Sơn La	Sơn La	Cao đẳng	Giáo dục Mầm non	Trường Mầm non Nà Sản	DTTS				Không tham gia phỏng vấn
21	MN21	Tẻnh Thị	Hương		16.5.1999	Mông	Chiềng Tương	Yên Châu	Sơn La	Cao đẳng	Giáo dục Mầm non	Trường Mầm non Nà Sản	DTTS				Không tham gia phỏng vấn
22	MN32	Hà Thúy	Linh		14.5.1999	Thái	Chiềng Ban	Mai Sơn	Sơn La	Đại học	Giáo dục Mầm non	Trường Mầm non Nà Sản	DTTS				Không tham gia phỏng vấn
23	MN38	Lò Thị	Ngại		02.5.1994	Thái	Chiềng Sinh	TP Sơn La	Sơn La	Cao đẳng	Giáo dục Mầm non	Trường Mầm non Nà Sản	DTTS				Không tham gia phỏng vấn
24	MN44	Cà Thị	Nhung		09.11.1999	Thái	Chiềng Sinh	TP Sơn La	Sơn La	Đại học	Giáo dục Mầm non	Trường Mầm non Nà Sản	DTTS				Không tham gia phỏng vấn
25	MN46	Cà Thị	Oanh		20.02.1999	Thái	Chiềng Ngần	TP Sơn La	Sơn La	Cao đẳng	Giáo dục Mầm non	Trường Mầm non Nà Sản	DTTS				Không tham gia phỏng vấn
26	MN48	Lò Thị	Phương		12.10.1998	Thái	Chiềng Sinh	TP Sơn La	Sơn La	Đại học	Giáo dục Mầm non	Trường Mầm non Nà Sản	DTTS				Không tham gia phỏng vấn
27	MN53	Lò Thị	Tuyên		12.12.1997	Thái	Chiềng Mung	Mai Sơn	Sơn La	Đại học	Giáo dục Mầm non	Trường Mầm non Nà Sản	DTTS				Không tham gia phỏng vấn
28	MN60	Hà Thị	Thiên		26.12.1992	Thái	Chiềng Lề	TP Sơn La	Sơn La	Đại học	Giáo dục Mầm non	Trường Mầm non Nà Sản	DTTS				Không tham gia phỏng vấn
29	MN64	Lò Thị	Trang		17.12.1999	Thái	Nậm Mần	Sông Mã	Sơn La	Cao đẳng	Giáo dục Mầm non	Trường Mầm non Nà Sản	DTTS				Không tham gia phỏng vấn
30	MN01	Lường Thị	Bóng		10.9.1999	Thái	Chiềng Phung	Sông Mã	Sơn La	Đại học	Giáo dục Mầm non	Trường Mầm non Phiêng Cằm	DTTS	5	11	16	Điểm phỏng vấn dưới 50
31	MN67	Lù Thị	Xua		16.02.1999	Mông	Chiềng Nơi	Mai Sơn	Sơn La	Cao đẳng	Giáo dục Mầm non	Trường Mầm non Phiêng Cằm	DTTS				Không tham gia phỏng vấn
32	MN40	Điêu Thị Minh	Nguyệt		05.01.1999	Thái	Chiềng Pha	Thuận Châu	Sơn La	Cao đẳng	Giáo dục Mầm non	Trường Mầm non Phiêng Pằn	DTTS	5	21	26	Điểm phỏng vấn dưới 50
33	MN45	Lò Thị	Oanh		27.02.1995	Thái	Phổng Lái	Thuận Châu	Sơn La	Đại học	Giáo dục Mầm non	Trường Mầm non Phiêng Pằn	DTTS	5	8	13	Điểm phỏng vấn dưới 50
34	MN05	Vàng Thị	Dềnh		25.12.1999	Mông	Long Hẹ	Thuận Châu	Sơn La	Cao đẳng	Giáo dục Mầm non	Trường Mầm non Phiêng Pằn	DTTS	5	0	5	Điểm phỏng vấn dưới 50
35	MN06	Vừ Thị Pa	Dềnh		15.6.1998	Mông	Pú Bầu	Sông Mã	Sơn La	Cao đẳng	Giáo dục Mầm non	Trường Mầm non Phiêng Pằn	DTTS	5	0	5	Điểm phỏng vấn dưới 50
36	MN27	Vì Thị	Khay		18.4.1990	Thái	Chiềng Dong	Mai Sơn	Sơn La	Cao đẳng	Giáo dục Mầm non	Trường Mầm non Phiêng Pằn	DTTS	5	0	5	Điểm phỏng vấn dưới 50
37	MN56	Hà Thị Phương	Thảo		07.01.1999	Thái	xã Hát Lót	Mai Sơn	Sơn La	Cao đẳng	Giáo dục Mầm non	Trường Mầm non Phiêng Pằn	DTTS	5	0	5	Điểm phỏng vấn dưới 50
38	MN58	Lò Thị	Thắm		04.7.1996	Thái	Nậm Mần	Sông Mã	Sơn La	Cao đẳng	Sư phạm Mầm non	Trường Mầm non Phiêng Pằn	DTTS	5	0	5	Điểm phỏng vấn dưới 50

Số TT	Số báo danh	Họ và tên	Tên	Ngày, tháng, năm sinh		Dân tộc	Chỗ ở hiện nay			Thông tin đào tạo		Đơn vị dự tuyển	Đối tượng ưu tiên	Tổng hợp điểm			Kết quả tuyển dụng
				Nam	Nữ		Xã, Phường, TT	Huyện, TP	Tỉnh	Trình độ văn bằng	Chuyên ngành đào tạo (ghi theo bằng điểm)			Ưu tiên	Phỏng vấn	Tổng điểm	
39	MN02	Tòng Thị	Cương		10.9.1991	Thái	Mường Bú	Mường La	Sơn La	Cao đẳng	Giáo dục Mầm non	Trường Mầm non Phiêng Pằn	DTTS				Không tham gia phỏng vấn
40	MN12	Hoàng Thị	Hạnh		27.02.1999	Thái	Chiềng Đông	Yên Châu	Sơn La	Đại học	Giáo dục Mầm non	Trường Mầm non Phiêng Pằn	DTTS				Không tham gia phỏng vấn
41	MN13	Tẻnh Thị Hồng	Hạnh		24.11.1999	Mông	Chiềng Tương	Yên Châu	Sơn La	Cao đẳng	Giáo dục Mầm non	Trường Mầm non Phiêng Pằn	DTTS				Không tham gia phỏng vấn
42	MN15	Đặng Thị	Hoa		19.5.1998	Dao	Huy Tường	Phù Yên	Sơn La	Cao đẳng	Giáo dục Mầm non	Trường Mầm non Phiêng Pằn	DTTS				Không tham gia phỏng vấn
43	MN17	Lầu Thị	Hòa		26.4.1997	Mông	Pù Nhung	Tuần Giáo	Điện Biên	Đại học	Giáo dục Mầm non	Trường Mầm non Phiêng Pằn	DTTS				Không tham gia phỏng vấn
44	MN33	Và Thị	Mua		10.10.1999	Mông	Co Mạ	Thuận Châu	Sơn La	Cao đẳng	Giáo dục Mầm non	Trường Mầm non Phiêng Pằn	DTTS				Không tham gia phỏng vấn
45	MN43	Lò Thị	Nhung		15.4.1998	Thái	Chiềng Sinh	TP Sơn La	Sơn La	Đại học	SP Giáo dục Mầm non	Trường Mầm non Phiêng Pằn	DTTS				Không tham gia phỏng vấn
46	MN51	Lầu Thị	Sênh		08.02.1999	Mông	Co Mạ	Thuận Châu	Sơn La	Cao đẳng	Giáo dục Mầm non	Trường Mầm non Phiêng Pằn	DTTS				Không tham gia phỏng vấn
47	MN52	Thào Thị	Sú		05.3.1999	Mông	Hua Nhán	Bắc Yên	Sơn La	Cao đẳng	Giáo dục Mầm non	Trường Mầm non Phiêng Pằn	DTTS				Không tham gia phỏng vấn
48	MN54	Lò Thị	Thanh		01.6.1996	Thái	Hua La	TP Sơn La	Sơn La	Cao đẳng	Giáo dục Mầm non	Trường Mầm non Phiêng Pằn	DTTS				Không tham gia phỏng vấn
49	MN59	La Thị	Thi		06.02.1999	Thái	Mường Sại	Quỳnh Nhai	Sơn La	Cao đẳng	Giáo dục Mầm non	Trường Mầm non Phiêng Pằn	DTTS				Không tham gia phỏng vấn
50	TH45	Cà Thị	Huệ		08.9.1992	Thái	Chiềng Khoong	Sông Mã	Sơn La	Đại học	Giáo dục tiểu học	Trường PTDTBT TH-THCS Nà Ớt	DTTS	5	68	73	Không trúng tuyển do hết chỉ tiêu
51	TH76	Lường Thị	Nghiệp		12.10.1993	Thái	Chiềng Chung	Mai Sơn	Sơn La	Đại học	Giáo dục tiểu học	Trường PTDTBT TH-THCS Nà Ớt	DTTS	5	65	70	Không trúng tuyển do hết chỉ tiêu
52	TH101	Lường Văn	Tình	19.3.1996		Thái	Mường Lầm	Sông Mã	Sơn La	Đại học	Giáo dục tiểu học	Trường PTDTBT TH-THCS Nà Ớt	DTTS	5	63,5	68,5	Không trúng tuyển do hết chỉ tiêu
53	TH32	Tòng Thị	Hạnh		26.4.1999	Thái	Sốp Cộp	Sốp Cộp	Sơn La	Đại học	Giáo dục tiểu học	Trường PTDTBT TH-THCS Nà Ớt	DTTS	5	57	62	Không trúng tuyển do hết chỉ tiêu
54	TH22	Đặng Thị	Đoàn		10.01.1989	Dao	Chiềng Chung	Mai Sơn	Sơn La	Đại học	Giáo dục tiểu học	Trường PTDTBT TH-THCS Nà Ớt	DTTS	5	45	50	Điểm phỏng vấn dưới 50
55	TH100	Lò Thị	Tiên		07.6.1999	Thái	Púng Bánh	Sốp Cộp	Sơn La	Đại học	Giáo dục tiểu học	Trường PTDTBT TH-THCS Nà Ớt	DTTS	5	42,5	47,5	Điểm phỏng vấn dưới 50
56	TH64	Đinh Thị Phương	Lan		24.10.1999	Mường	Sốp Cộp	Sốp Cộp	Sơn La	Đại học	Giáo dục tiểu học	Trường PTDTBT TH-THCS Nà Ớt	DTTS	5	40	45	Điểm phỏng vấn dưới 50

Số TT	Số báo danh	Họ và tên	Tên	Ngày, tháng, năm sinh		Dân tộc	Chỗ ở hiện nay			Thông tin đào tạo		Đơn vị dự tuyển	Đối tượng ưu tiên	Tổng hợp điểm			Kết quả tuyển dụng
				Nam	Nữ		Xã, Phường, TT	Huyện, TP	Tỉnh	*Trình độ văn bằng*	*Chuyên ngành đào tạo (ghi theo bằng điểm)*			Ưu tiên	Phỏng vấn	Tổng điểm	
57	TH77	Lò Thị	Ngọc		02.10.1999	Thái	Púng Bánh	Sốp Cộp	Sơn La	Đại học	Giáo dục tiểu học	Trường PTDTBT TH-THCS Nà Ớt	DTTS	5	28,5	33,5	Điểm phỏng vấn dưới 50
58	TH44	Tòng Thị	Hợp		04.01.1995	Thái	Mường Bon	Mai Sơn	Sơn La	Đại học	Giáo dục tiểu học	Trường PTDTBT TH-THCS Nà Ớt	DTTS	5	27,5	32,5	Điểm phỏng vấn dưới 50
59	TH128	Lò Văn	Vui	10.9.1998		Thái	Mường Hung	Sông Mã	Sơn La	Đại học	Giáo dục tiểu học	Trường PTDTBT TH-THCS Nà Ớt	DTTS	5	25	30	Điểm phỏng vấn dưới 50
60	TH12	Giàng Thị	Chía		16.12.1997	Mông	Huổi Một	Sông Mã	Sơn La	Đại học	Giáo dục tiểu học	Trường PTDTBT TH-THCS Nà Ớt	DTTS	5	20	25	Điểm phỏng vấn dưới 50
61	TH40	Lò Thị	Hồng		23.10.1993	Thái	Chiềng Khoong	Sông Mã	Sơn La	Đại học	Giáo dục tiểu học	Trường PTDTBT TH-THCS Nà Ớt	DTTS	5	0	5	Điểm phỏng vấn dưới 50
62	TH56	Cà Thị	Khuyên		03.9.1997	Thái	Mường Lầm	Sông Mã	Sơn La	Đại học	Giáo dục tiểu học	Trường PTDTBT TH-THCS Nà Ớt	DTTS	5	0	5	Điểm phỏng vấn dưới 50
63	TH01	Hà Thị	Anh		05.01.1993	Mường	Chiềng Sinh	TP Sơn La	Sơn La	Đại học	Giáo dục tiểu học	Trường PTDTBT TH-THCS Nà Ớt	DTTS				Không tham gia phỏng vấn
64	TH85	Thào Thị	Nhung		20.5.1998	Mông	Pú Bẩu	Sông Mã	Sơn La	Đại học	Giáo dục tiểu học	Trường PTDTBT TH-THCS Phiêng Cằm	DTTS	5	74	79	Không trúng tuyển do hết chỉ tiêu
65	TH117	Tòng Kim	Thiên		21.11.1999	Thái	TT Sông Mã	Sông Mã	Sơn La	Đại học	Giáo dục tiểu học	Trường PTDTBT TH-THCS Phiêng Cằm	DTTS	5	29,5	34,5	Điểm phỏng vấn dưới 50
66	TH90	Hà Thị Bình	Phương		19.8.1999	Thái	Tường Hạ	Phù Yên	Sơn La	Đại học	Giáo dục tiểu học	Trường PTDTBT TH-THCS Phiêng Cằm	DTTS	5	15	20	Điểm phỏng vấn dưới 50
67	TH16	Và A	Dềnh	11.11.1998		Mông	Pá Lông	Thuận Châu	Sơn La	Đại học	Giáo dục tiểu học	Trường PTDTBT TH-THCS Phiêng Cằm	DTTS	5	14,5	19,5	Điểm phỏng vấn dưới 50
68	TH35	Lò Thị	Hoa		09.3.1998	Khơ Mú	TT Sông Mã	Sông Mã	Sơn La	Đại học	Giáo dục tiểu học	Trường PTDTBT TH-THCS Phiêng Cằm	DTTS	5	5	10	Điểm phỏng vấn dưới 50
69	TH96	Lò Thị	Sinh		07.02.1998	Thái	Phổng Lái	Thuận Châu	Sơn La	Đại học	Giáo dục tiểu học	Trường Tiểu học Cò Nòi	DTTS	5	42,5	47,5	Điểm phỏng vấn dưới 50
70	TH65	Hoàng Thị Hương	Loan		07.5.1998	Mường	Song Pe	Bắc Yên	Sơn La	Đại học	Giáo dục tiểu học	Trường Tiểu học Cò Nòi	DTTS	5	31,5	36,5	Điểm phỏng vấn dưới 50
71	TH04	Quàng Thị	Bích		08.7.1998	Thái	Chiềng Xôm	TP Sơn La	Sơn La	Đại học	Giáo dục tiểu học	Trường Tiểu học Cò Nòi	DTTS	5	24,5	29,5	Điểm phỏng vấn dưới 50
72	TH63	Lò Thị	Linh		28.6.1998	Thái	Chiềng Sinh	TP Sơn La	Sơn La	Đại học	Giáo dục tiểu học	Trường Tiểu học Cò Nòi	DTTS	5	23	28	Điểm phỏng vấn dưới 50
73	TH126	Nguyễn Thị Hà	Vi		27.11.1999	Kinh	Cò Nòi	Mai Sơn	Sơn La	Đại học	Giáo dục tiểu học	Trường Tiểu học Cò Nòi	Không		18	18	Điểm phỏng vấn dưới 50
74	TH54	Lò Thanh	Kim		05.10.1999	Thái	Chiềng Xôm	TP Sơn La	Sơn La	Đại học	Giáo dục tiểu học	Trường Tiểu học Cò Nòi	DTTS	5	10	15	Điểm phỏng vấn dưới 50
75	TH33	Đinh Thị	Hạnh		02.5.1993	Mường	Gia Phù	Phù Yên	Sơn La	Đại học	Giáo dục tiểu học	Trường Tiểu học Cò Nòi	DTTS	5	0	5	Điểm phỏng vấn dưới 50
76	TH55	Lường Thị	Khoa		07.11.1999	Thái	Chiềng En	Sông Mã	Sơn La	Đại học	Giáo dục tiểu học	Trường Tiểu học Cò Nòi	DTTS	5	0	5	Điểm phỏng vấn dưới 50
77	TH29	Phàn Văn	Hải	08.02.1994		Dao	Cà Nàng	Quỳnh Nhai	Sơn La	Đại học	Giáo dục tiểu học	Trường Tiểu học Cò Nòi	DTTS				Không tham gia phỏng vấn

Số TT	Số báo danh	Họ và tên	Tên	Ngày, tháng, năm sinh		Dân tộc	Chỗ ở hiện nay			Thông tin đào tạo		Đơn vị dự tuyển	Đối tượng ưu tiên	Tổng hợp điểm			Kết quả tuyển dụng
				Nam	Nữ		Xã, Phường, TT	Huyện, TP	Tỉnh	*Trình độ văn bằng*	*Chuyên ngành đào tạo (ghi theo bằng điểm)*			Ưu tiên	Phỏng vấn	Tổng điểm	
78	TH34	Điêu Thị	Hằng		02.9.1998	Thái	Cò Nòi	Mai Sơn	Sơn La	Đại học	Giáo dục tiểu học	Trường Tiểu học Cò Nòi	DTTS				Không tham gia phỏng vấn
79	TH37	Đinh Thị	Hòa		17.5.1994	Mường	Gia Phù	Phù Yên	Sơn La	Đại học	Giáo dục tiểu học	Trường Tiểu học Cò Nòi	DTTS				Không tham gia phỏng vấn
80	TH60	Thào Thị	Lầu		06.6.1997	Mông	TT Thuận Châu	Thuận Châu	Sơn La	Đại học	Giáo dục tiểu học	Trường Tiểu học Cò Nòi	DTTS				Không tham gia phỏng vấn
81	TH47	Đinh Thu	Huế		14.3.1999	Kinh	Yên Sơn	Yên Châu	Sơn La	Đại học	Giáo dục tiểu học	Trường Tiểu học Cò Nòi	Không				Không tham gia phỏng vấn
82	TH67	Nguyễn Thảo	Ly		11.10.1999	Kinh	Chiềng Pằn	Yên Châu	Sơn La	Đại học	Giáo dục tiểu học	Trường Tiểu học Cò Nòi	Không				Không tham gia phỏng vấn
83	TH111	Phạm Thu	Thảo		08.12.1999	Kinh	TT Yên Châu	Yên Châu	Sơn La	Đại học	Giáo dục tiểu học	Trường Tiểu học Cò Nòi	Không				Không tham gia phỏng vấn
84	TH13	Lèo Thị	Chiêm		05.4.1996	Thái	Chiềng Ngần	TP Sơn La	Sơn La	Đại học	Giáo dục tiểu học	Trường Tiểu học Chiềng Lương	DTTS	5	42,5	47,5	Điểm phỏng vấn dưới 50
85	TH109	Lò Thị	Tươi		22.11.1993	Thái	Nậm Mằn	Sông Mã	Sơn La	Đại học	Giáo dục tiểu học	Trường Tiểu học Chiềng Lương	DTTS	5	42,5	47,5	Điểm phỏng vấn dưới 50
86	TH31	Hà Thị	Hạnh		04.5.1999	Thái	Tường Hạ	Phù Yên	Sơn La	Đại học	Giáo dục tiểu học	Trường Tiểu học Chiềng Lương	DTTS	5	33	38	Điểm phỏng vấn dưới 50
87	TH82	Lò Thị	Nhật		02.6.1999	Thái	Pá Ma Pha Khinh	Thuận Châu	Sơn La	Đại học	Giáo dục tiểu học	Trường Tiểu học Chiềng Lương	DTTS	5	24	29	Điểm phỏng vấn dưới 50
88	TH108	Cà Thị	Tươi		01.7.1992	Thái	Chiềng An	TP Sơn La	Sơn La	Đại học	Giáo dục tiểu học	Trường Tiểu học Chiềng Lương	DTTS	5	23	28	Điểm phỏng vấn dưới 50
89	TH70	Lò Thị	Mai		17.02.1998	Thái	Chiềng Lề	TP Sơn La	Sơn La	Đại học	Giáo dục tiểu học	Trường Tiểu học Chiềng Lương	DTTS	5	10	15	Điểm phỏng vấn dưới 50
90	TH95	Lò Văn	Sáng	28.12.1996		Thái	Hua Trai	Mường La	Sơn La	Đại học	Giáo dục tiểu học	Trường Tiểu học Chiềng Lương	DTTS	5	10	15	Điểm phỏng vấn dưới 50
91	TH20	Đinh Thị	Duyên		01.12.1998	Mường	Tân Phong	Phù Yên	Sơn La	Đại học	Giáo dục tiểu học	Trường Tiểu học Chiềng Lương	DTTS				Không tham gia phỏng vấn
92	TH61	Đinh Thị	Liên		14.01.1996	Mường	Đá Đỏ	Phù Yên	Sơn La	Đại học	Giáo dục tiểu học	Trường Tiểu học Chiềng Lương	DTTS				Không tham gia phỏng vấn
93	TH53	Hà Thị	Kiều		10.10.1998	Thái	Mường Chanh	Mai Sơn	Sơn La	Đại học	Giáo dục tiểu học	Trường Tiểu học Chiềng Nơi	DTTS	5	47,5	52,5	Điểm phỏng vấn dưới 50
94	TH86	Hà Thị	Nhung		13.10.1999	Thái	Chiềng Sơ	Sông Mã	Sơn La	Đại học	Giáo dục tiểu học	Trường Tiểu học Chiềng Nơi	DTTS	5	34	39	Điểm phỏng vấn dưới 50
95	TH91	Hoàng Văn	Quyền	21.5.1994		Thái	Mường Chanh	Mai Sơn	Sơn La	Đại học	Giáo dục tiểu học	Trường Tiểu học Chiềng Nơi	DTTS	5	20	25	Điểm phỏng vấn dưới 50
96	TH19	Quàng Văn	Dũng	10.6.1998		Thái	Chiềng Lao	Mường La	Sơn La	Đại học	Giáo dục tiểu học	Trường Tiểu học Chiềng Nơi	DTTS	5	16	21	Điểm phỏng vấn dưới 50
97	TH27	Cà Thị	Hà		03.9.1999	Thái	Chiềng San	Mường La	Sơn La	Đại học	Giáo dục tiểu học	Trường Tiểu học Chiềng Nơi	DTTS	5	0	5	Điểm phỏng vấn dưới 50

Số TT	Số báo danh	Họ và tên	Tên	Ngày, tháng, năm sinh		Dân tộc	Chỗ ở hiện nay			Thông tin đào tạo		Đơn vị dự tuyển	Đối tượng ưu tiên	Tổng hợp điểm			Kết quả tuyển dụng
				Nam	Nữ		Xã, Phường, TT	Huyện, TP	Tỉnh	*Trình độ văn bằng*	*Chuyên ngành đào tạo (ghi theo bảng điểm)*			Ưu tiên	Phỏng vấn	Tổng điểm	
98	TH38	Quàng Văn	Hoạch	05.10.1992		Thái	Chiềng Lao	Mường La	Sơn La	Đại học	Giáo dục tiểu học	Trường Tiểu học Chiềng Nơi	DTTS	5	0	5	Điểm phỏng vấn dưới 50
99	TH41	Lò Thị	Hồng		04.5.1998	Thái	Chiềng Nơi	Mai Sơn	Sơn La	Đại học	Giáo dục tiểu học	Trường Tiểu học Chiềng Nơi	DTTS	5	0	5	Điểm phỏng vấn dưới 50
100	TH79	Sòi Thu	Nhàn		15.8.1997	Thái	Quang Huy	Phù Yên	Sơn La	Đại học	Giáo dục tiểu học	Trường Tiểu học Chiềng Nơi	DTTS				Không tham gia phỏng vấn
101	TH07	Tòng Văn	Cường	12.12.1998		Thái	Liệp Tè	Thuận Châu	Sơn La	Đại học	Giáo dục tiểu học	Trường Tiểu học Phiêng Cằm 2	DTTS	5	51,5	56,5	Không trúng tuyển do hết chỉ tiêu
102	TH124	Lý Thị	Uyên		19.7.1992	Mông	TT Bắc Yên	Bắc Yên	Sơn La	Đại học	Giáo dục tiểu học	Trường Tiểu học Phiêng Cằm 2	DTTS	5	51	56	Không trúng tuyển do hết chỉ tiêu
103	TH127	Vừ Thị	Vì		12.4.1995	Mông	Co Mạ	Thuận Châu	Sơn La	Đại học	Giáo dục tiểu học	Trường Tiểu học Phiêng Cằm 2	DTTS	5	51	56	Không trúng tuyển do hết chỉ tiêu
104	TH71	Đèo Thị	Mẫn		05.5.1998	Thái	Chiềng Cang	Sông Mã	Sơn La	Đại học	Giáo dục tiểu học	Trường Tiểu học Phiêng Cằm 2	DTTS	5	40	45	Điểm phỏng vấn dưới 50
105	TH88	Cầm Thị	Phong		20.8.1996	Thái	Mường Hung	Sông Mã	Sơn La	Đại học	Giáo dục tiểu học	Trường Tiểu học Phiêng Cằm 2	DTTS	5	40	45	Điểm phỏng vấn dưới 50
106	TH66	Lò Văn	Lưu	01.11.1997		Thái	Mường Lầm	Sông Mã	Sơn La	Đại học	Giáo dục tiểu học	Trường Tiểu học Phiêng Cằm 2	DTTS	5	36	41	Điểm phỏng vấn dưới 50
107	TH98	Lò Thị	Tâm		15.4.1999	Thái	Chiềng En	Sông Mã	Sơn La	Đại học	Giáo dục tiểu học	Trường Tiểu học Phiêng Cằm 2	DTTS	5	30	35	Điểm phỏng vấn dưới 50
108	TH15	Và A	Chứ	03.02.1991		Mông	Co Tòng	Thuận Châu	Sơn La	Đại học	Giáo dục tiểu học	Trường Tiểu học Phiêng Cằm 2	DTTS	5	10,5	15,5	Điểm phỏng vấn dưới 50
109	TH06	Lò Văn	Công		30.9.1998	Thái	Hua Trai	Mường La	Sơn La	Đại học	Giáo dục tiểu học	Trường Tiểu học Phiêng Cằm 2	DTTS	5	10	15	Điểm phỏng vấn dưới 50
110	TH09	Lèo Thị	Chanh		01.8.1997	Thái	Chiềng Khương	Sông Mã	Sơn La	Đại học	Giáo dục tiểu học	Trường Tiểu học Phiêng Cằm 2	DTTS	5	0	5	Điểm phỏng vấn dưới 50
111	TH23	Vì Văn	Đôi	14.11.1993		Thái	Mường Và	Sốp Cộp	Sơn La	Đại học	Giáo dục tiểu học	Trường Tiểu học Phiêng Cằm 2	DTTS	5	0	5	Điểm phỏng vấn dưới 50
112	TH87	Ly Bá Dinh	Pó	14.2.1995		Mông	Mường Hung	Sông Mã	Sơn La	Đại học	Giáo dục tiểu học	Trường Tiểu học Phiêng Cằm 2	DTTS	5	0	5	Điểm phỏng vấn dưới 50
113	TH94	Quàng Văn	Sa	26.8.1994		Lào	Mường Và	Sốp Cộp	Sơn La	Đại học	Giáo dục tiểu học	Trường Tiểu học Phiêng Cằm 2	DTTS	5	0	5	Điểm phỏng vấn dưới 50
114	TH118	Quàng Văn	Thiện	20.3.1991		Thái	Púng Bánh	Sốp Cộp	Sơn La	Đại học	Giáo dục tiểu học	Trường Tiểu học Phiêng Cằm 2	DTTS	5	0	5	Điểm phỏng vấn dưới 50
115	TH26	Lò Thị Hồng	Hà		12.3.1999	Thái	Nà Nghịu	Sông Mã	Sơn La	Đại học	Giáo dục tiểu học	Trường Tiểu học Phiêng Cằm 2	DTTS				Không tham gia phỏng vấn
116	TH119	Cà Thị	Thiết		05.9.1997	Thái	Cám Ấn	Yên Bình	Yên Bái	Đại học	Giáo dục tiểu học	Trường Tiểu học Phiêng Cằm 2	DTTS				Không tham gia phỏng vấn
117	TH43	Lò Thị	Hợp		24.8.1999	Thái	Chiềng Lương	Mai Sơn	Sơn La	Đại học	Giáo dục tiểu học	Trường Tiểu học Phiêng Pằn	DTTS	5	48	53	Điểm phỏng vấn dưới 50

Số TT	Số báo danh	Họ và tên	Tên	Ngày, tháng, năm sinh		Dân tộc	Chỗ ở hiện nay			Thông tin đào tạo		Đơn vị dự tuyển	Đối tượng ưu tiên	Tổng hợp điểm			Kết quả tuyển dụng
				Nam	Nữ		Xã, Phường, TT	Huyện, TP	Tỉnh	Trình độ văn bằng	Chuyên ngành đào tạo (ghi theo bằng điểm)			Ưu tiên	Phỏng vấn	Tổng điểm	
118	TH78	Tòng Thị	Nguyệt		22.8.1999	Thái	Hua Trai	Mường La	Sơn La	Đại học	Giáo dục tiểu học	Trường Tiểu học Phiêng Pằn	DTTS	5	47	52	Điểm phỏng vấn dưới 50
119	TH73	Phạm Văn	Minh	06.8.1999		Kinh	Chiềng Cọ	TP Sơn La	Sơn La	Đại học	Giáo dục tiểu học	Trường Tiểu học Phiêng Pằn	Không		10	10	Điểm phỏng vấn dưới 50
120	TH21	Đinh Thị	Duyên		20.7.1998	Mường	Quang Huy	Phù Yên	Sơn La	Đại học	Giáo dục tiểu học	Trường Tiểu học Phiêng Pằn	DTTS				Không tham gia phỏng vấn
121	TH83	Đinh Thị	Nhi		13.12.1998	Mường	Chiềng Sai	Bắc Yên	Sơn La	Đại học	Giáo dục tiểu học	Trường Tiểu học Phiêng Pằn	DTTS				Không tham gia phỏng vấn
122	TH123	Hoàng Tú	Uyên		19.10.1998	Thái	Phổng Lái	Thuận Châu	Sơn La	Đại học	Giáo dục tiểu học	Trường Tiểu học Phiêng Pằn	DTTS				Không tham gia phỏng vấn
123	TH05	Đinh Thị	Bình		14.02.1993	Mường	Tường Thượng	Phù Yên	Sơn La	Đại học	Giáo dục tiểu học	Trường TH-THCS Bình Minh	DTTS	5	35	40	Điểm phỏng vấn dưới 50
124	TH02	Điêu Thị	Ánh		20.10.1998	Thái	Mường Giàng	Quỳnh Nhai	Sơn La	Đại học	Giáo dục tiểu học	Trường TH-THCS Bình Minh	DTTS				Không tham gia phỏng vấn
125	TH39	Lò Thị	Hồng		04.5.1998	Thái	Mường Và	Sốp Cộp	Sơn La	Đại học	Giáo dục tiểu học	Trường TH-THCS Chiềng Ban	DTTS	5	71,5	76,5	Không trúng tuyển do hết chỉ tiêu
126	TH93	Đồng Như	Quỳnh		21.7.1997	Kinh	Nong Lay	Thuận Châu	Sơn La	Đại học	Giáo dục tiểu học	Trường TH-THCS Chiềng Ban	Không		37	37	Điểm phỏng vấn dưới 50
127	TH59	Lò Thị Mỹ	Lâm		31.8.1999	Thái	Chiềng Mai	Mai Sơn	Sơn La	Đại học	Giáo dục tiểu học	Trường TH-THCS Chiềng Ban	DTTS				Không tham gia phỏng vấn
128	TH110	Đinh Thị	Thanh		15.7.1996	Mường	Quyết Tâm	TP Sơn La	Sơn La	Đại học	Giáo dục tiểu học	Trường TH-THCS Chiềng Ban	DTTS				Không tham gia phỏng vấn
129	TH42	Quàng Thị	Hồng		19.9.1998	Thái	Chiềng Lao	Mường La	Sơn La	Đại học	Giáo dục tiểu học	Trường TH-THCS Chiềng Sung	DTTS	5	48	53	Điểm phỏng vấn dưới 50
130	TH25	Quàng Thị	Hà		20.4.1998	Thái	TT Ít Ong	Mường La	Sơn La	Đại học	Giáo dục tiểu học	Trường TH-THCS Chiềng Sung	DTTS	5	24	29	Điểm phỏng vấn dưới 50
131	TH58	Lò Thị	Lan		07.3.1999	Thái	Chiềng Ve	Mai Sơn	Sơn La	Đại học	Giáo dục tiểu học	Trường TH-THCS Chiềng Ve	DTTS	5	57	62	Không trúng tuyển do hết chỉ tiêu
132	TH10	Lò Thị	Châu		30.4.1999	Thái	Cà Nàng	Quỳnh Nhai	Sơn La	Đại học	Giáo dục tiểu học	Trường TH-THCS Chiềng Ve	DTTS	5	50	55	Không trúng tuyển do hết chỉ tiêu
133	TH72	Đinh Thị	Mến		03.2.1997	Mường	Tường Thượng	Phù Yên	Sơn La	Đại học	Giáo dục tiểu học	Trường TH-THCS Chu Văn Thịnh	DTTS	5	29,5	34,5	Điểm phỏng vấn dưới 50
134	TH36	Nguyễn Thị Khánh	Hòa		11.6.1999	Kinh	TT Yên Châu	Yên Châu	Sơn La	Đại học	Giáo dục tiểu học	Trường TH-THCS Chu Văn Thịnh	Không				Không tham gia phỏng vấn
135	TH50	Vũ Khánh	Huyền		23.10.1999	Kinh	Muổi Nọi	Thuận Châu	Sơn La	Đại học	Giáo dục tiểu học	Trường TH-THCS Chu Văn Thịnh	Không				Không tham gia phỏng vấn
136	TH116	Đào Văn	Thắng	22.11.1997		Kinh	Mường Do	Phù Yên	Sơn La	Đại học	Giáo dục tiểu học	Trường TH-THCS Chu Văn Thịnh	Không				Không tham gia phỏng vấn
137	TH18	Lò Thị Ngọc	Diệp		09.9.1998	Thái	Chiềng Cọ	TP Sơn La	Sơn La	Đại học	Giáo dục tiểu học	Trường TH-THCS Hoàng Văn Thụ	DTTS				Không tham gia phỏng vấn

Số TT	Số báo danh	Họ và tên	Tên	Ngày, tháng, năm sinh		Dân tộc	Chỗ ở hiện nay			Thông tin đào tạo		Đơn vị dự tuyển	Đối tượng ưu tiên	Tổng hợp điểm			Kết quả tuyển dụng
				Nam	Nữ		Xã, Phường, TT	Huyện, TP	Tỉnh	*Trình độ văn bằng*	*Chuyên ngành đào tạo (ghi theo bảng điểm)*			Ưu tiên	Phỏng vấn	Tổng điểm	
138	TH24	Nguyễn Thị	Hà		19.5.1998	Kinh	Chiềng Cọ	TP Sơn La	Sơn La	Đại học	Giáo dục tiểu học	Trường TH-THCS Hoàng Văn Thụ	Không				Không tham gia phỏng vấn
139	TH69	Nguyễn Thị Phương	Mai		09.11.1999	Kinh	Chiềng Mung	Mai Sơn	Sơn La	Đại học	Giáo dục tiểu học	Trường TH-THCS Hoàng Văn Thụ	Không				Không tham gia phỏng vấn
140	TH62	Lò Thị	Linh		03.02.1998	Thái	Mường Bon	Mai Sơn	Sơn La	Đại học	Giáo dục tiểu học	Trường TH-THCS Mường Bon	DTTS	5	37,5	42,5	Điểm phỏng vấn dưới 50
141	TH52	Và Thị	Ía		12.3.1998	Mông	TT Thuận Châu	Thuận Châu	Sơn La	Đại học	Giáo dục tiểu học	Trường TH-THCS Nà Bó	DTTS	5	35	40	Điểm phỏng vấn dưới 50
142	TH106	Lù Anh	Tuấn		22.10.1997	Thái	Mường Chiên	Quỳnh Nhai	Sơn La	Đại học	Giáo dục tiểu học	Trường TH-THCS Nà Bó	DTTS	5	0	5	Điểm phỏng vấn dưới 50
143	TH74	Lò Văn	Nò	27.11.1992		Thái	Mường Bon	Mai Sơn	Sơn La	Đại học	Giáo dục tiểu học	Trường TH-THCS Nà Bó	DTTS, NVQS				Không tham gia phỏng vấn
144	TH89	Giàng A	Phồng		10.7.1996	Mông	Suối Bau	Phù Yên	Sơn La	Đại học	Giáo dục tiểu học	Trường TH-THCS Nà Bó	DTTS				Không tham gia phỏng vấn
145	TH121	Vì Thị	Thủy		16.02.1994	Thái	Sốp Cộp	Sốp Cộp	Sơn La	Đại học	Giáo dục tiểu học	Trường TH-THCS Tà Hộc	DTTS	5	65	70	Không trúng tuyển do hết chỉ tiêu
146	TH49	Hà Đức	Huy	23.3.1990		Mường	Huy Bắc	Phù Yên	Sơn La	Đại học	Giáo dục tiểu học	Trường TH-THCS Tà Hộc	DTTS	5	46	51	Điểm phỏng vấn dưới 50
147	TH11	Hờ A	Chía	13.10.1997		Mông	Tà Hộc	Mai Sơn	Sơn La	Đại học	Sư phạm tiểu học	Trường TH-THCS Tà Hộc	DTTS	5	0	5	Điểm phỏng vấn dưới 50
148	TH46	Vàng Thị	Huệ		21.4.1998	Thái	Chim Vàn	Bắc Yên	Sơn La	Đại học	Giáo dục tiểu học	Trường TH-THCS Tà Hộc	DTTS				Không tham gia phỏng vấn
149	TH99	Lường Thị	Tâm		25.8.1996	Thái	Chiềng Sung	Mai Sơn	Sơn La	Đại học	Giáo dục tiểu học	Trường TH-THCS Tà Hộc	DTTS				Không tham gia phỏng vấn
150	TH112	Sa Thị Phương	Thảo		20.8.1996	Thái	Hua Bắc	Phù Yên	Sơn La	Đại học	Giáo dục tiểu học	Trường TH-THCS Tà Hộc	DTTS				Không tham gia phỏng vấn
151	TH30	Hà Văn	Hải	16.11.1997		Thái	Chiềng Lề	TP Sơn La	Sơn La	Đại học	Giáo dục tiểu học	Trường TH-THCS Tô Hiệu	DTTS	5	40,5	45,5	Điểm phỏng vấn dưới 50
152	TH68	Trịnh Thị Hương	Ly		11.5.1999	Kinh	Chiềng Mung	Mai Sơn	Sơn La	Đại học	Giáo dục tiểu học	Trường TH-THCS Tô Hiệu	Không		38	38	Điểm phỏng vấn dưới 50
153	T07	Lê Thị Ánh	Ngọc		26.4.1990	Kinh	Quang Huy	Phù Yên	Sơn La	Đại học	SP Toán - Lý	Trường TH-THCS Chiềng Mai	Không		78	78	Không trúng tuyển do hết chỉ tiêu
154	T11	Quàng Văn	Thông	01.7.1995		Thái	Chiềng En	Sông Mã	Sơn La	Đại học	SP Toán học	Trường TH-THCS Chiềng Mai	DTTS				Không tham gia phỏng vấn
155	T03	Lò Thị	Hậu		08.3.1998	Thái	Mường Sai	Sông Mã	Sơn La	Đại học	SP Toán học	Trường TH-THCS Chiềng Mai	Không				Không tham gia phỏng vấn
156	T04	Đoàn Thị Thùy	Linh		27.3.1992	Kinh	Đại Thắng	Vụ Bản	Nam Định	Đại học	SP Toán học	Trường TH-THCS Chiềng Mai	Không				Không tham gia phỏng vấn

Số TT	Số báo danh	Họ và tên	Tên	Ngày, tháng, năm sinh		Dân tộc	Chỗ ở hiện nay			Thông tin đào tạo		Đơn vị dự tuyển	Đối tượng ưu tiên	Tổng hợp điểm			Kết quả tuyển dụng
				Nam	Nữ		Xã, Phường, TT	Huyện, TP	Tỉnh	*Trình độ văn bằng*	*Chuyên ngành đào tạo (ghi theo bảng điểm)*			Ưu tiên	Phỏng vấn	Tổng điểm	
157	T08	Bùi Tuấn	Ngọc	26.10.1996		Kinh	Tuy Lai	Mỹ Đức	Hà Nội	Đại học	SP Toán học	Trường TH-THCS Chiềng Mai	Không				Không tham gia phỏng vấn
158	T02	Trần Anh	Đức	24.9.1998		Kinh	Kỳ Sơn	TP Hòa Bình	Hòa Bình	Đại học	SP Toán học	Trường TH-THCS Hoàng Văn Thụ	Không		70	70	Không trúng tuyển do hết chỉ tiêu
159	T01	Phạm Hoàng	Dung		28.12.1998	Kinh	Quyết Tâm	TP Sơn La	Sơn La	Đại học	SP Toán học	Trường TH-THCS Hoàng Văn Thụ	Không				Không tham gia phỏng vấn
160	T10	Nguyễn Thanh	Thảo		14.6.1995	Kinh	Chiềng Sinh	TP Sơn La	Sơn La	Đại học	SP Toán học	Trường TH-THCS Hoàng Văn Thụ	Không		0	0	Điểm phỏng vấn dưới 50
161	T14	Nguyễn Thị	Yến		30.10.1994	Kinh	Khâm Lâm	Mỹ Đức	Hà Nội	Đại học	SP Toán học	Trường TH-THCS Mường Chanh	Không				Không tham gia phỏng vấn
162	T06	Giàng A	Nắng	05.6.1996		Mông	Kim Bon	Phù Yên	Sơn La	Đại học	SP Toán học	Trường TH-THCS Tà Hộc	Không				Không tham gia phỏng vấn
163	TA04	Quàng Thị	Linh		24.5.1995	Thái	Chiềng Pha	Thuận Châu	Sơn La	Đại học	SP Tiếng Anh	Trường TH-THCS Chiềng Mai	DTTS	5	50	55	Không trúng tuyển do hết chỉ tiêu
164	TA02	Hoàng Thúy	Hà		22.7.1990	Thái	Chiềng Sinh	TP Sơn La	Sơn La	Đại học	SP Tiếng Anh	Trường TH-THCS Chiềng Mai	DTTS	5	15,5	20,5	Điểm phỏng vấn dưới 50
165	TA08	Cầm Thị	Quyên		12.11.1984	Thái	Chiềng Mung	Mai Sơn	Sơn La	Đại học	SP Tiếng Anh	Trường TH-THCS Chiềng Mai	DTTS	5	6	11	Điểm phỏng vấn dưới 50
166	TA12	Hoàng Thanh	Vinh	15.6.1994		Thái	Chiềng Mai	Mai Sơn	Sơn La	Đại học	SP Tiếng Anh	Trường TH-THCS Chiềng Mai	DTTS	5	0	5	Điểm phỏng vấn dưới 50
167	TA07	Nguyễn Văn	Phương	10.12.1989		Kinh	Quyết Tâm	TP Sơn La	Sơn La	Đại học	SP Tiếng Anh	Trường TH-THCS Chu Văn Thịnh	Không		20,5	20,5	Điểm phỏng vấn dưới 50
168	TA05	Mè Thị	Nga		16.4.1993	Thái	Phúc Thành	Ninh Bình	Ninh Bình	Đại học	SP Tiếng Anh	Trường TH-THCS Chu Văn Thịnh	DTTS				Không tham gia phỏng vấn
169	TA06	Đinh Thị	Oanh		19.10.1997	Mường	Tường Thượng	Phù Yên	Sơn La	Đại học	SP Tiếng Anh	Trường TH-THCS Chu Văn Thịnh	DTTS				Không tham gia phỏng vấn
170	TA03	Vũ Thị Hồng	Hạnh		02.11.1992	Kinh	TT Hát Lót	Mai Sơn	Sơn La	Đại học	SP Tiếng Anh	Trường TH-THCS Chu Văn Thịnh	Không				Không tham gia phỏng vấn
171	TA01	Bùi Thị	Duyên		20.8.1998	Kinh	Chiềng Khương	Sông Mã	Sơn La	Đại học	SP Tiếng Anh	Trường TH-THCS Nà Ban	Không				Không tham gia phỏng vấn

Số TT	Số báo danh	Họ và tên	Tên	Ngày, tháng, năm sinh		Dân tộc	Chỗ ở hiện nay			Thông tin đào tạo		Đơn vị dự tuyển	Đối tượng ưu tiên	Tổng hợp điểm			Kết quả tuyển dụng
				Nam	Nữ		Xã, Phường, TT	Huyện, TP	Tỉnh	*Trình độ văn bằng*	*Chuyên ngành đào tạo (ghi theo bảng điểm)*			Ưu tiên	Phỏng vấn	Tổng điểm	
172	TA09	Nguyễn Thị Như	Thảo		27.12.1993	Kinh	Khả phong	Kim Bảng	Hà Nam	Đại học	SP Tiếng Anh	Trường TH-THCS Nà Ban	Không				Không tham gia phỏng vấn
173	LS13	Đỗ Thị Hồng	Phượng		08.7.1992	Kinh	Cò Nòi	Mai Sơn	Sơn La	ĐH	SP Lịch sử	Trường PTDTBT TH-THCS Nà Ớt	Không		84,5	84,5	Không trúng tuyển do hết chỉ tiêu
174	LS09	Đào Thị	Lan		17.12.1996	Kinh	Chiềng Mung	Mai Sơn	Sơn La	ĐH	SP Lịch sử	Trường PTDTBT TH-THCS Nà Ớt	Không		40,5	40,5	Điểm phỏng vấn dưới 50
175	LS08	Thào A	Kỳ	06.7.1994		Mông	Suối Ban	Phù Yên	Sơn La	ĐH	SP Lịch sử	Trường PTDTBT TH-THCS Nà Ớt	DTTS	5	16	21	Điểm phỏng vấn dưới 50
176	LS04	Hà Thị Thu	Hồng		03.4.1991	Thái	Chiềng Ban	Mai Sơn	Sơn La	ĐH	SP Lịch sử	Trường PTDTBT TH-THCS Nà Ớt	DTTS	5	10	15	Điểm phỏng vấn dưới 50
177	LS21	Cà Văn	Thúy	21.5.1995		Thái	Mường Bằng	Mai Sơn	Sơn La	ĐH	SP Lịch sử	Trường PTDTBT TH-THCS Nà Ớt	DTTS	5	10	15	Điểm phỏng vấn dưới 50
178	LS14	Đinh Thị	Quỳnh		21.02.1996	Mường	Phiêng Cằm	Mai Sơn	Sơn La	ĐH	SP Lịch sử	Trường PTDTBT TH-THCS Nà Ớt	DTTS	5	8	13	Điểm phỏng vấn dưới 50
179	LS18	Lường Văn	Tuấn	02.4.1988		Thái	Chiềng Ngần	TP Sơn La	Sơn La	Đại học	SP Sử - Địa	Trường PTDTBT TH-THCS Nà Ớt	DTTS	5	5	10	Điểm phỏng vấn dưới 50
180	LS06	Lò Thị	Hương		23.02.1994	Thái	Xã Hát Lót	Mai Sơn	Sơn La	ĐH	SP Lịch sử	Trường PTDTBT TH-THCS Nà Ớt	DTTS	5	0	5	Điểm phỏng vấn dưới 50
181	LS01	Thào A	Dơ	06.02.1995		Mông	Long Hẹ	Thuận Châu	Sơn La	ĐH	SP Lịch sử	Trường PTDTBT TH-THCS Nà Ớt	DTTS				Không tham gia phỏng vấn
182	LS11	Và A	Lý	18.10.1992		Mông	Co Mạ	Thuận Châu	Sơn La	ĐH	SP Lịch sử	Trường PTDTBT TH-THCS Nà Ớt	DTTS				Không tham gia phỏng vấn
183	LS12	Cầm Thị	Oanh		21.6.1995	Thái	Mường Giàng	Quỳnh Nhai	Sơn La	ĐH	SP Lịch sử	Trường PTDTBT TH-THCS Nà Ớt	DTTS				Không tham gia phỏng vấn
184	LS16	Mã Văn	Tiến	25.9.1994		Tày	Mỹ Gia	Yên Bình	Yên Bái	ĐH	SP Lịch sử	Trường PTDTBT TH-THCS Nà Ớt	DTTS				Không tham gia phỏng vấn

Số TT	Số báo danh	Họ và tên	Tên	Ngày, tháng, năm sinh		Dân tộc	Chỗ ở hiện nay			Thông tin đào tạo		Đơn vị dự tuyển	Đối tượng ưu tiên	Tổng hợp điểm			Kết quả tuyển dụng
				Nam	Nữ		Xã, Phường, TT	Huyện, TP	Tỉnh	*Trình độ văn bằng*	*Chuyên ngành đào tạo (ghi theo bảng điểm)*			Ưu tiên	Phỏng vấn	Tổng điểm	
185	LS19	Đỗ Thị	Thanh		19.11.1996	Kinh	Hưng Nhân	Hưng Hà	Thái Bình	Đại học	SP Lịch sử	Trường PTDTBT TH-THCS Nà Ớt	Không				Không tham gia phỏng vấn
186	LS22	Trần Thị	Vân		15.2.1993	Kinh	TT Hát Lót	Mai Sơn	Sơn La	ĐH	SP Sử - Địa	Trường THCS 19/5	Không		44	44	Điểm phỏng vấn dưới 50
187	LS17	Kiều Văn	Tình	15.9.1988		Kinh	Liên Mạc	Mê Linh	Hà Nội	ĐH	SP Lịch sử Giáo dục quốc phòng	Trường THCS 19/5	Con đẻ của người tham gia kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học				Không tham gia phỏng vấn
188	LS03	Đinh Thị	Hiệp		18.12.1989	Mường	Huy Thượng	Phù Yên	Sơn La	ĐH	SP Sử - Địa	Trường TH-THCS Chiềng Sung	DTTS				Không tham gia phỏng vấn
189	LS07	Đinh Thị	Kiền		16.8.1994	Mường	Vân Sơn	Tân Lạc	Hòa Bình	ĐH	SP Lịch sử	Trường TH-THCS Chiềng Sung	DTTS				Không tham gia phỏng vấn
190	LS10	Vừ Thị	Ly		10.6.1996	Mông	Huổi Một	Sông Mã	Sơn La	Đại học	SP Lịch sử	Trường TH-THCS Chiềng Sung	DTTS				Không tham gia phỏng vấn
191	LS15	Đinh Văn	Quỳnh	13.8.1995		Mường	Huy Thượng	Phù Yên	Sơn La	ĐH	SP Lịch sử	Trường TH-THCS Chiềng Sung	DTTS				Không tham gia phỏng vấn
192	TD33	Sồng A	Tộng	01.5.1996		Mông	Chiềng Nơi	Mai Sơn	Sơn La	Đại học	Giáo dục thể chất	Trường PTDTBT THCS Chiềng Nơi	DTTS	5	50	55	Không trúng tuyển do hết chỉ tiêu
193	TD03	Tòng Văn	Cương	15.5.1989		Thái	Yên Hưng	Sông Mã	Sơn La	Đại học	Giáo dục thể chất	Trường PTDTBT THCS Chiềng Nơi	DTTS				Không tham gia phỏng vấn
194	TD37	Tòng Văn	Tươi	12.8.1988		Thái	Yên Hưng	Sông Mã	Sơn La	Đại học	Giáo dục thể chất	Trường PTDTBT THCS Chiềng Nơi	DTTS				Không tham gia phỏng vấn
195	TD23	Nguyễn Hải	Nam	05.9.1998		Kinh	Chiềng Pha	Thuận Châu	Sơn La	Đại học	Giáo dục thể chất	Trường PTDTBT TH-THCS Phiêng Cằm	Không		52	52	Không trúng tuyển do hết chỉ tiêu
196	TD31	Lò Thị	Phong		03.9.1992	Thái	Đứa Mòn	Sông Mã	Sơn La	Đại học	Giáo dục thể chất	Trường PTDTBT TH-THCS Phiêng Cằm	DTTS	5	41	46	Điểm phỏng vấn dưới 50
197	TD06	Giàng Ca	Danh	06.8.1992		Mông	Huổi Một	Sông Mã	Sơn La	Đại học	Giáo dục thể chất	Trường PTDTBT TH-THCS Phiêng Cằm	DTTS	5	18,5	23,5	Điểm phỏng vấn dưới 50

Số TT	Số báo danh	Họ và tên	Tên	Ngày, tháng, năm sinh		Dân tộc	Chỗ ở hiện nay			Thông tin đào tạo		Đơn vị dự tuyển	Đối tượng ưu tiên	Tổng hợp điểm			Kết quả tuyển dụng
				Nam	Nữ		Xã, Phường, TT	Huyện, TP	Tỉnh	*Trình độ văn bằng*	*Chuyên ngành đào tạo (ghi theo bằng điểm)*			Ưu tiên	Phỏng vấn	Tổng điểm	
198	TD30	Tòng Văn	Phiên	05.4.1991		Thái	Yên Hưng	Sông Mã	Sơn La	Đại học	Giáo dục thể chất	Trường PTDTBT TH-THCS Phiêng Cằm	DTTS	5	15,5	20,5	Điểm phỏng vấn dưới 50
199	TD29	Tòng Văn	Phứt	16.3.1989		Thái	Mường Bon	Mai Sơn	Sơn La	Đại học	Giáo dục thể chất	Trường PTDTBT TH-THCS Phiêng Cằm	DTTS	5	08	13	Điểm phỏng vấn dưới 50
200	TD28	Chá A	Pó	09.6.1992		Mông	Co Tòng	Thuận Châu	Sơn La	Đại học	Giáo dục thể chất	Trường PTDTBT TH-THCS Phiêng Cằm	DTTS	5	07	12	Điểm phỏng vấn dưới 50
201	TD20	Phạm Hải	Long	06.9.1988		Kinh	TT Hát Lót	Mai Sơn	Sơn La	Đại học	Giáo dục thể chất - Giáo dục quốc	Trường PTDTBT TH-THCS Phiêng Cằm	Không		09	9	Điểm phỏng vấn dưới 50
202	TD13	Lò Thị	Hiệu		29.8.1991	Thái	TT Sông Mã	Sông Mã	Sơn La	Đại học	Giáo dục thể chất	Trường PTDTBT TH-THCS Phiêng Cằm	DTTS	5	02	7	Điểm phỏng vấn dưới 50
203	TD21	Lò Văn	Long	04.10.1993		Thái	Chiềng Chung	Mai Sơn	Sơn La	Đại học	Giáo dục thể chất	Trường PTDTBT TH-THCS Phiêng Cằm	DTTS	5	0	5	Điểm phỏng vấn dưới 50
204	TD01	Trần Đức	Cảnh	09.7.1990		Kinh	Hua La	TP Sơn La	Sơn La	Đại học	Giáo dục thể chất	Trường PTDTBT TH-THCS Phiêng Cằm	Không		0	0	Điểm phỏng vấn dưới 50
205	TD05	Lò Thị	Chung		10.10.1993	Thái	Sốp Cộp	Sốp Cộp	Sơn La	Đại học	Giáo dục thể chất	Trường PTDTBT TH-THCS Phiêng Cằm	DTTS				Không tham gia phỏng vấn
206	TD07	Giàng	Dạy	02.9.1988		Mông	Chiềng Sung	Mai Sơn	Sơn La	Đại học	Giáo dục thể chất	Trường PTDTBT TH-THCS Phiêng Cằm	DTTS				Không tham gia phỏng vấn
207	TD11	Lường Bích	Hằng		28.8.1991	Lào	Tân Thanh	TP Điện Biên	Điện Biên	Đại học	Giáo dục thể chất	Trường PTDTBT TH-THCS Phiêng Cằm	DTTS				Không tham gia phỏng vấn
208	TD15	Lò Văn	Hùng	24.12.1993		Lào	Mường Và	Sốp Cộp	Sơn La	Đại học	Giáo dục thể chất	Trường PTDTBT TH-THCS Phiêng Cằm	DTTS				Không tham gia phỏng vấn
209	TD19	Lầu A	Lâu	06.4.1995		Mông	Hồng Ngài	Bắc Yên	Sơn La	Đại học	Giáo dục thể chất	Trường PTDTBT TH-THCS Phiêng Cằm	DTTS				Không tham gia phỏng vấn
210	TD22	Sòi Sơn	Nam	29.7.1994		Thái	Quang Huy	Phù Yên	Sơn La	Đại học	Giáo dục thể chất	Trường PTDTBT TH-THCS Phiêng Cằm	DTTS				Không tham gia phỏng vấn
211	TD32	Lò Văn	Tính	10.6.1988		Thái	Yên Hưng	Sông Mã	Sơn La	Đại học	SP Thể dục	Trường PTDTBT TH-THCS Phiêng Cằm	DTTS				Không tham gia phỏng vấn

Số TT	Số báo danh	Họ và tên	Tên	Ngày, tháng, năm sinh		Dân tộc	Chỗ ở hiện nay			Thông tin đào tạo		Đơn vị dự tuyển	Đối tượng ưu tiên	Tổng hợp điểm			Kết quả tuyển dụng
				Nam	Nữ		Xã, Phường, TT	Huyện, TP	Tỉnh	*Trình độ văn bằng*	*Chuyên ngành đào tạo (ghi theo bằng điểm)*			Ưu tiên	Phỏng vấn	Tổng điểm	
212	TD38	Giàng A	Vàng	28.4.1989		Mông	Tà Hộc	Mai Sơn	Sơn La	Đại học	Giáo dục thể chất	Trường PTDTBT TH-THCS Phiêng Cằm	DTTS				Không tham gia phỏng vấn
213	TD34	Nguyễn Văn	Tuấn	21.01.1995		Kinh	Phiêng Pằn	Mai Sơn	Sơn La	Đại học	Giáo dục thể chất	Trường TH-THCS Chiềng Lương	Không		40	40	Điểm phỏng vấn dưới 50
214	TD35	Trần Anh	Tuấn	22.10.1993		Kinh	Nà Bó	Mai Sơn	Sơn La	Đại học	Giáo dục thể chất	Trường TH-THCS Chiềng Lương	DTTS	5	15	20	Điểm phỏng vấn dưới 50
215	TD10	Đặng Văn	Đức	08.6.1995		Dao	Phiêng Luông	Mộc Châu	Sơn La	Đại học	Giáo dục thể chất	Trường TH-THCS Chiềng Lương	DTTS				Không tham gia phỏng vấn
216	TD26	Điêu Chinh	Nguyện	25.5.1994		Thái	Mường Giàng	Quỳnh Nhai	Sơn La	Đại học	Giáo dục thể chất	Trường TH-THCS Chiềng Mai	DTTS	5	21	26	Điểm phỏng vấn dưới 50
217	TD04	Quàng Văn	Cường	01.12.1993		Thái	Chiềng Ngần	TP Sơn La	Sơn La	Đại học	Giáo dục thể chất	Trường TH-THCS Chiềng Mai	DTTS	5	16	21	Điểm phỏng vấn dưới 50
218	TD39	Cà Văn	Xuân	04.6.1994		Thái	Chiềng Ngần	TP Sơn La	Sơn La	Đại học	Giáo dục thể chất	Trường TH-THCS Chiềng Mai	DTTS	5	12	17	Điểm phỏng vấn dưới 50
219	TD12	Lê Trung	Hiếu	10.8.1994		Kinh	Chiềng Pha	Thuận Châu	Sơn La	Đại học	Giáo dục thể chất	Trường TH-THCS Chiềng Mai	Không		13	13	Điểm phỏng vấn dưới 50
220	TD09	Bùi Trung	Dũng	25.3.1991		Kinh	Chiềng Mung	Mai Sơn	Sơn La	Đại học	Giáo dục thể chất	Trường TH-THCS Chiềng Mai	Không		12	12	Điểm phỏng vấn dưới 50
221	TD02	Ly A	Cù	14.4.1994		Mông	Co Mạ	Thuận Châu	Sơn La	Đại học	Giáo dục thể chất	Trường TH-THCS Chiềng Mai	DTTS	5	0	5	Điểm phỏng vấn dưới 50
222	TD08	Vàng A	Dơ	03.10.1994		Mông	Nong Lay	Thuận Châu	Sơn La	Đại học	Giáo dục thể chất	Trường TH-THCS Chiềng Mai	DTTS				Không tham gia phỏng vấn
223	TD16	Lò Thị Thu	Hương		07.5.1988	Thái	Chiềng An	TP Sơn La	Sơn La	Đại học	Giáo dục thể chất	Trường TH-THCS Chiềng Mai	DTTS				Không tham gia phỏng vấn
224	TD18	Hoàng Văn	Khiêm	22.10.1987		Thái	Chiềng Chung	Mai Sơn	Sơn La	Đại học	Giáo dục thể chất	Trường TH-THCS Chiềng Mai	DTTS				Không tham gia phỏng vấn
225	TD24	Hoàng Văn	Ngân	18.3.1990		Thái	Chiềng En	Sông Mã	Sơn La	Đại học	Giáo dục thể chất	Trường TH-THCS Chiềng Mai	DTTS				Không tham gia phỏng vấn

Số TT	Số báo danh	Họ và tên	Tên	Ngày, tháng, năm sinh		Dân tộc	Chỗ ở hiện nay			Thông tin đào tạo		Đơn vị dự tuyển	Đối tượng ưu tiên	Tổng hợp điểm			Kết quả tuyển dụng
				Nam	Nữ		Xã, Phường, TT	Huyện, TP	Tỉnh	*Trình độ văn bằng*	*Chuyên ngành đào tạo (ghi theo bảng điểm)*			Ưu tiên	Phỏng vấn	Tổng điểm	
226	T101	Quản Minh	Tú	24.11.1987		Kinh	Tô Hiệu	TP Sơn La	Sơn La	Đại học	SP Tin học	Trường PTDTBT TH-THCS Phiêng Cằm	Không		21	21	Điểm phỏng vấn dưới 50
II	**SỰ NGHIỆP TẠI TRUNG TÂM TRUYỀN THÔNG - VĂN HÓA**																
227	PPVIII01	Sồng A	Chống	22.12.1996		Mông	Chiềng Cang	Sông Mã	Sơn La	Đại học	Quản lý văn hóa	Phương pháp viên văn hóa hạng III	DTTS	5	31,5	36,5	Điểm phỏng vấn dưới 50
228	PPVIV02	Sồng A	Tông	08.5.1991		Mông	Chiềng Dong	Mai Sơn	Sơn La	Cao đẳng	Quản lý văn hóa	Phương pháp viên văn hóa hạng IV	DTTS	5	54	59	Không trúng tuyển do hết chỉ tiêu
229	CS02	Lò Thị Phương	Linh		01.11.1998	Thái	Chiềng Chung	Mai Sơn	Sơn La	Đại học	Luật	Cán sự	DTTS	5	81	86	Không trúng tuyển do hết chỉ tiêu
230	CS03	Sồng A	Thái	05.9.1996		Mông	Chiềng Nơi	Mai Sơn	Sơn La	Đại học	Công nghệ thông tin	Cán sự	DTTS				Không tham gia phỏng vấn
231	CS04	Sồng A	Vạng	01.3.1996		Mông	Chiềng Nơi	Mai Sơn	Sơn La	Đại học	Luật	Cán sự	DTTS	5	0	5	Điểm phỏng vấn dưới 50